

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (huyện Quảng Hòa)

Môn: Phần E.III. Kiến thức bổ trợ

Ngày thi: 26/11/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Lục Thị Vân Anh	7.25	Bảy phẩy hai năm	41	Hoàng Văn Khỏe	7.50	Bảy phẩy năm
2	Đàm Thị Bằng	7.00	Bảy	42	Bé Thị Kiều	8.00	Tám
3	Nông Thị Bé	7.75	Bảy phẩy bảy năm	43	Nguyễn Thị Hoài Lam	7.50	Bảy phẩy năm
4	Nguyễn Thị Biền	7.00	Bảy	44	Lục Thị Thúy Lâm	7.75	Bảy phẩy bảy năm
5	Nguyễn Đình Chính		<b>Hoãn thi</b>	45	Nông Minh Lệ	7.50	Bảy phẩy năm
6	Bé Đặng Chính	8.50	Tám phẩy năm	46	Nông Thị Linh	7.50	Bảy phẩy năm
7	Phan Mạnh Cường	7.50	Bảy phẩy năm	47	Hứa Thị Loan	7.00	Bảy
8	Hà Thị Diệp	8.25	Tám phẩy hai năm	48	Lý Thị Minh	7.25	Bảy phẩy hai năm
9	Nông Văn Đạt	7.00	Bảy	49	Hoàng Thị Minh	7.50	Bảy phẩy năm
10	Bé Thị Diệp	7.50	Bảy phẩy năm	50	Triệu Quang Mốt	6.50	Sáu phẩy năm
11	Tô Văn Dự	7.75	Bảy phẩy bảy năm	51	Vương Thị Na	7.50	Bảy phẩy năm
12	Hoàng Văn Dẫn	7.00	Bảy	52	Nông Văn Nam	6.75	Sáu phẩy bảy năm
13	Đàm Thị Dung	8.25	Tám phẩy hai năm	53	Hoàng Thị Nga	7.50	Bảy phẩy năm
14	Lương Văn Dưỡng	6.50	Sáu phẩy năm	54	Đàm Thị Thanh Nga	8.00	Tám
15	Phan Thị Duyên	7.25	Bảy phẩy hai năm	55	Đình Văn Nghĩa	7.25	Bảy phẩy hai năm
16	Lý Thị Duyên	7.75	Bảy phẩy bảy năm	56	Nguyễn Thị Ngọc	7.00	Bảy
17	Nông Văn Giang	8.00	Tám	57	Đình Thị Nguyệt	8.00	Tám
18	Triệu Thị Hạ	7.50	Bảy phẩy năm	58	Lục Thị Nhung	8.00	Tám
19	Ngô Thị Lệ Hằng	8.25	Tám phẩy hai năm	59	Đàm Thị Niêm	8.00	Tám
20	Lý Thị Hằng	8.00	Tám	60	Lục Thị Kim Oanh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
21	Lã Thị Hạnh	8.00	Tám	61	Nguyễn Lệ Quyên	7.75	Bảy phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Đinh Thị Hậu	8.00	Tám	62	Hoàng Thị Tắm	7.00	Bảy
23	Ma Văn Hiến	7.25	Bảy phẩy hai năm	63	Đàm Hồng Tân	8.00	Tám
24	Nguyễn Thị Hiệp	8.00	Tám	64	Đàm Văn Thắng	7.25	Bảy phẩy hai năm
25	Lưu Diệu Hoa	7.75	Bảy phẩy bảy năm	65	Đinh Phương Thảo	7.25	Bảy phẩy hai năm
26	Lương Thị Hoa	8.00	Tám	66	Mông Thị Thảo	8.25	Tám phẩy hai năm
27	Lục Thị Hoài	7.50	Bảy phẩy năm	67	Nông Bích Thu	7.50	Bảy phẩy năm
28	Nguyễn Thị Hoan	8.00	Tám	68	Triệu Minh Thủy	7.75	Bảy phẩy bảy năm
29	Hà Ngọc Hoàng	7.75	Bảy phẩy bảy năm	69	Đàm Thị Thuyền	8.00	Tám
30	Hà Thị Hồng	8.25	Tám phẩy hai năm	70	Bế Thị Tiềm	7.50	Bảy phẩy năm
31	Phạm Thị Huân	8.00	Tám	71	Nông Thị Tiến	7.50	Bảy phẩy năm
32	Nông Thị Huệ	8.00	Tám	72	Đỗ Văn Tĩnh	7.00	Bảy
33	Mông Thị Huệ	7.25	Bảy phẩy hai năm	73	Hoàng Thu Trang	8.00	Tám
34	Triệu Thị Thu Huệ	8.00	Tám	74	La Thị Huyền Trang	8.00	Tám
35	Bế Thị Huệ	8.00	Tám	75	Đỗ Thu Trang	8.25	Tám phẩy hai năm
36	Đinh Thị Huệ	8.00	Tám	76	Bế Văn Tư	6.25	Sáu phẩy hai năm
37	Ma Thúy Hương	8.00	Tám	77	Đàm Thúy Tuyển	8.25	Tám phẩy hai năm
38	Hoàng Quang Huy	8.00	Tám	78	Mã Thị Út	8.25	Tám phẩy hai năm
39	Hoàng Thị Huyền	7.75	Bảy phẩy bảy năm	79	Ma Ngọc Vĩnh	8.00	Tám
40	Lục Thị Huyền	8.00	Tám	80	Đàm Thị Vui	7.75	Bảy phẩy bảy năm

Điểm 6.25: 01 điểm; Điểm 6.50: 02 điểm; Điểm 6.75: 01 điểm; Điểm 7.00: 08 điểm; Điểm 7.25: 08 điểm; Điểm 7.50: 14 điểm; Điểm 7.75: 11 điểm; Điểm 8.00: 25 điểm; Điểm 8.25: 08 điểm; Điểm 8.50: 01 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Triệu Văn Lượng**



**Đoàn Thị Vân Thúy**



**Trịnh Thị Ánh Hoa**